

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH TÂY NINH**

Bản án số: 35/2018/DSST

Ngày 20-12-2018

**V/v tranh chấp về hợp
đồng dân sự vay tài sản và
góp hụi**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đoàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hùng Dũng;

Bà Dương X Thanh.

Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Cao Cường, Thư ký Tòa án nhân dân huyện B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đình Lương, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2018/TLST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2018 về “Tranh chấp **về hợp đồng dân sự vay tài sản và góp hụi**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2018/QĐST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2018/QĐST-DS ngày 30 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị H, sinh năm: 1968; địa chỉ: ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Đỗ Thị X, sinh năm: 1970; địa chỉ: ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16-7-2018 của nguyên đơn - Bà Phan Thị H trình bày:

Vào ngày 21-11-2012, bà Đỗ Thị X có viết giấy xác nhận còn nợ bà số tiền: 114.300.000 đồng, trong đó: nợ tiền vay là: 55.000.000 đồng và nợ tiền hụi là 59.300.000 đồng. Về hợp đồng góp hụi, hụi do bà X làm chủ hụi, hụi đã kết thúc trước ngày 21-11-2012 nhưng bà X không trả tiền hụi gốc. Do đó, bà X đã ghi giấy nhận nợ và đã trả vào những ngày như sau:

+ Ngày 02-8-2013, trả 5.000.000 đồng;

+ Ngày 30-8-2013, trả 5.000.000 đồng;

+ Ngày 24-11-2013, trả 5.000.000 đồng;

+ Ngày 15-5-2014, trả 3.000.000 đồng;

+ Ngày 20-8-2014, trả 1.000.000 đồng;

Tổng cộng bà X đã trả số tiền: 19.000.000 đồng và còn nợ gốc số tiền: 95.300.000 đồng từ ngày 20-8-2014 đến nay chưa trả.

Vì vậy, bà yêu cầu bà X có nghĩa vụ trả nợ gốc là 95.300.000 đồng và yêu cầu tính tiền lãi chậm trả theo pháp luật quy định, tính từ ngày 20-8-2014 đến ngày 20-12-2018.

Ngoài ra bà H không còn trình bày gì thêm.

Bị đơn – Bà Đỗ Thị X đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ nhưng không có văn bản trình bày ý kiến, không tham gia giải quyết vụ án.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Bị đơn không tham gia giải quyết vụ án, không chấp hành theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Áp dụng các điều 471, 474, 476, 477 và Điều 479 của Bộ luật Dân sự (năm 2005); Điều 688 của Bộ luật Dân sự; Khoản 1 Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H về việc tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản và góp hụi đối với bà Đỗ Thị X. Buộc bà Đỗ Thị X có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị H số tiền vay, tiền góp hụi: 95.300.000 đồng và yêu cầu tính tiền lãi chậm trả theo pháp luật quy định, tính từ ngày 20-8-2014 đến ngày 20-12-2018.

Về án phí: Bà Đỗ Thị X phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo pháp luật quy định.

- Về yêu cầu khắc phục vi phạm: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bà Đỗ Thị X tuy vắng mặt, nhưng Tòa án đã tiến hành đúng và đầy đủ thủ tục để bảo đảm cho việc xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Ngày 21-11-2012, bà Đỗ Thị X có ký giấy xác nhận nợ của bà Phan Thị H tổng cộng số tiền: 114.300.000 đồng. Trong đó, tiền vay là: 55.000.000 đồng, tiền

góp hui là: 59.300.000 đồng. Bà X đã trả cho bà H nhiều lần được số tiền: 19.000.000 đồng và còn nợ gốc: 95.300.000 đồng từ ngày 20-8-2014 đến nay chưa trả. Vì vậy, bà H khởi kiện yêu cầu bà X có nghĩa vụ trả tiền nợ gốc là 95.300.000 đồng và yêu cầu tính tiền lãi chậm trả theo pháp luật quy định, tính từ ngày 20-8-2014 đến ngày 20-12-2018.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng: Hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hui giữa bà Phan Thị H và bà Đỗ Thị X là có thật. Nội dung của hợp đồng đã thể hiện bằng lời nói, không làm bằng văn bản. Đến ngày 21-11-2012, thì bà X có ký giấy xác nhận nợ của bà H gồm các khoản tiền vay, tiền góp hui và còn nợ tổng cộng là: 114.300.000 đồng. Sau đó, bà X đã trả dần cho bà H nhiều lần được số tiền: 19.000.000 đồng và còn nợ gốc: 95.300.000 đồng tính từ ngày 20-8-2014 đến nay chưa trả.

Về lãi suất: Do giấy xác nhận có nợ tiền mà không thỏa thuận thời hạn trả nợ, nên tiền lãi suất chậm trả được tính theo mức lãi 9%/năm, tính từ ngày 20-8-2014 đến ngày 20-12-2018 là 04 năm 04 tháng, trên số tiền gốc 95.300.000 đồng, thành tiền: 37.167.000 đồng. Tổng cộng nợ gốc và nợ lãi là: 132.467.000 đồng.

Đối với bà X, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhiều lần, nhưng bà X không có văn bản trình bày ý kiến gởi cho Tòa án.

Bà H không có yêu cầu người khác chịu trách nhiệm liên đới trả nợ, nên ghi nhận.

Căn cứ các điều 471, 474, 476, 477 và Điều 479 của Bộ luật Dân sự (năm 2005); Điều 688 của Bộ luật Dân sự. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H về việc tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản và góp hui đối với bà Đỗ Thị X. Buộc bà Đỗ Thị X có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị H số tiền nợ gốc, nợ lãi là phù hợp theo pháp luật quy định.

[4] Về án phí: Bà Đỗ Thị X phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo pháp luật quy định. Bà Phan Thị H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà H đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ các điều 471, 474, 476, 477 và Điều 479 của Bộ luật Dân sự (năm 2005); Điều 688 của Bộ luật Dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H về việc tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản và góp hui đối với bà Đỗ Thị X.

Buộc bà Đỗ Thị X có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị H số tiền nợ gốc là: 95.300.000 đồng và tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất 9%/năm, tính từ ngày 20-8-2014 đến ngày 20-12-2018 là 04 năm 04 tháng, thành tiền: 37.167.000 đồng. Tổng

cộng nợ gốc và nợ lãi là: 132.467.000 đồng (một trăm ba mươi hai triệu bốn trăm sáu mươi bảy ngàn) đồng.

Kể từ ngày bà Phan Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Đỗ Thị X không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng bà Đỗ Thị X còn phải trả cho bà Phan Thị H số tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đỗ Thị X phải chịu 6.623.300 (sáu triệu sáu trăm hai mươi ba ngàn ba trăm) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phan Thị H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Phan Thị H đã nộp 3.382.000 (ba triệu ba trăm tám mươi hai ngàn) đồng theo biên lai số 0021558 ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Tây Ninh.

3. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Bà Phan Thị H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Đỗ Thị X được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo Bộ luật Tố tụng dân sự quy định.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H. B;
- THADS H. B;
- Lưu: Tập án;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

NGUYỄN VĂN ĐOÀN

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN VĂN ĐOÀN

Nguyễn Văn Đoàn

